

Số: 37/2009/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 05 tháng 6 năm 2009

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về chế độ chính sách, trang bị phương tiện, điều kiện làm việc và kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Bảo vệ dân phố**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐT BXH-BTC ngày 01/3/2007 của Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 349/2008/QĐ-BCA(H11) ngày 31/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Công an về trang phục của Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 130/2009/NQ-HĐND ngày 09/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa VII - Kỳ họp thứ 15 về mức phụ cấp đối với Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 112/TTr-CAT-PX13 ngày 28 tháng 5 năm 2009,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chế độ, chính sách, trang bị phương tiện, điều kiện làm việc và kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Bảo vệ dân phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Công an tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, Chủ tịch UBND các phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
  - Bộ Công an;
  - Cục kiểm tra văn bản QPPL (BTP);
  - Thường trực Tỉnh ủy;
  - Thường trực HĐND tỉnh;
  - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
  - UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
  - Các Ban Đảng, các Ban HĐND tỉnh;
  - Sở Tư pháp; BHXH tỉnh; Bộ CHQS tỉnh;
  - Chánh - Phó Văn phòng;
  - Trung tâm công báo;
  - Lưu: VT, TH, VX. KT.
- @DienKT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Một**

**QUY ĐỊNH**

**Về chế độ, chính sách, trang bị phương tiện, điều kiện làm việc  
và kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Bảo vệ dân phố**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2009/QĐ-UBND ngày 05/6/2009  
của UBND tỉnh Đồng Nai)

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định về chế độ chính sách, trang bị phương tiện, điều kiện làm việc và kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Các quy định khác đối với Bảo vệ dân phố được thực hiện theo quy định của Trung ương.

2. Quy định này áp dụng đối với các phường, thị trấn nơi có thành lập Bảo vệ dân phố.

**Điều 2. Nguyên tắc thụ hưởng chế độ, chính sách của Bảo vệ dân phố**

1. Bảo vệ dân phố được hưởng phụ cấp hàng tháng theo từng chức danh, được bồi dưỡng tuân tra ban đêm do UBND phường, thị trấn chi trả. Trường hợp Bảo vệ dân phố giữ nhiều chức danh khác nhau thì được hưởng phụ cấp theo chức danh cao nhất.

2. Không thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế bắt buộc đối với Bảo vệ dân phố. Các chế độ, chính sách khác đối với Bảo vệ dân phố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Chương II**

**CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI BẢO VỆ DÂN PHỐ**

**Điều 3. Chế độ phụ cấp hàng tháng**

1. Bảo vệ dân phố được hưởng phụ cấp hàng tháng do UBND phường, thị trấn chi trả với hệ số như sau:

- a) Trưởng ban: Hệ số phụ cấp 0,7 mức lương tối thiểu chung.
- b) Phó ban: Hệ số phụ cấp 0,6 mức lương tối thiểu chung.
- c) Ủy viên (Tổ trưởng Tổ Bảo vệ dân phố): Hệ số phụ cấp 0,5 mức lương tối thiểu.
- d) Tổ phó: Hệ số phụ cấp 0,4 mức lương tối thiểu chung.
- đ) Tổ viên: Hưởng phụ cấp 0,3 mức lương tối thiểu chung.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra ban đêm, mỗi Bảo vệ dân phố được bồi dưỡng 20.000đồng/người/đêm. Số ca tuần tra đêm và kinh phí bồi dưỡng cho Bảo vệ dân phố từ nguồn ngân sách Nhà nước do Chủ tịch UBND Phường, thị trấn quyết định.

3. Khi có quy định mới của Trung ương về thay đổi mức lương tối thiểu chung, phụ cấp hoặc giá cả thực tế tăng cao, UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh phụ cấp hàng tháng và mức tiền bồi dưỡng tuần tra đêm cho phù hợp.

#### **Điều 4. Đào tạo, bồi dưỡng đối với Bảo vệ dân phố**

Bảo vệ dân phố được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ về công tác bảo vệ an ninh trật tự theo quy định của Bộ Công an. Trong thời gian tập trung tập huấn, bồi dưỡng Bảo vệ dân phố được hưởng chế độ phụ cấp đi lại, ăn ở như quy định đối với Công an xã.

#### **Điều 5. Trợ cấp thôi việc và trợ cấp khác**

1. Nếu Bảo vệ dân phố có thời gian công tác từ 05 năm trở lên, không vi phạm kỷ luật từ khiền trách trở lên, khi được cấp có thẩm quyền đồng ý cho nghỉ việc thì được hưởng trợ cấp một lần theo chế độ mỗi năm công tác bằng một tháng mức phụ cấp đang hưởng.

2. Bảo vệ dân phố trong khi làm nhiệm vụ mà bị thương hoặc hy sinh theo quy định tại Điều 3, Điều 11 Nghị định số 54/2006/NĐ-CP ngày 26/5/2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì được xác nhận là người hưởng chính sách như thương binh hoặc liệt sĩ. Thủ tục xác nhận được thực hiện theo hướng dẫn tại mục II, mục V - Phần I của Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và Thông tư số 02/2007/TT-BLĐTBXH ngày 16/01/2007 của Bộ Lao động, Thương binh và xã hội về việc bổ sung, sửa đổi một số điểm của Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Bảo vệ dân phố khi chết nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì người lo mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng 10 tháng tiền lương tối thiểu.

### **Chương III**

#### **TRANG BỊ ĐỐI VỚI BẢO VỆ DÂN PHỐ**

##### **Điều 6. Địa điểm làm việc**

Chủ tịch UBND phường, thị trấn có trách nhiệm bố trí địa điểm làm việc của Ban và Tổ Bảo vệ dân phố, đảm bảo các yêu cầu công tác.

##### **Điều 7. Trang phục của Bảo vệ dân phố**

1. Trang phục của Bảo vệ dân phố gồm có: Quần áo thu đông, quần áo xuân hè, mũ mềm, giày da, bút tất, dây lưng nhỏ và quần áo mưa.

2. Kiểu dáng, màu sắc, chất liệu các loại trang phục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 349/2008/QĐ-BCA(H11) ngày 31/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Công an

và hướng dẫn số 1148/H11(H14) ngày 09/4/2008 của Tổng cục Hậu cần - Bộ Công an về trang phục Bảo vệ dân phố.

3. Niên hạn cấp phát, sử dụng trang phục.

Mỗi chức danh Bảo vệ dân phố được cấp trang phục theo định kỳ như sau:

- a) Quần áo thu đông: 05 năm 02 bộ.
- b) Quần áo xuân hè: 01 năm 02 bộ.
- c) Mũ mềm: 02 năm 01 mũ.
- d) Giày da: 01 năm 01 đôi và 02 đôi bít tất (vớ).
- đ) Dây lưng (dây nịt): 02 năm 01 dây.
- e) Áo mưa: 01 năm 01 bộ.

#### **Điều 8. Trang bị về công cụ, phương tiện làm việc**

1. Bảo vệ dân phố được trang bị gậy cao su, dùi cui cao su, gậy gỗ, còng số 8, roi điện, gậy điện, bình xịt hơi cay, giấy chứng nhận, biển hiệu, băng chức danh, đèn pin, còi, sổ ghi chép.

2. Giấy chứng nhận, Biển hiệu, Băng chức danh Bảo vệ dân phố được cấp phát, sử dụng thống nhất theo quy định tại điểm 2.2, khoản 2, mục VII - Thông tư Liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐT BXH-BTC ngày 01/3/2007 của Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố.

3. Việc sử dụng, quản lý công cụ hỗ trợ và vũ khí thô sơ phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật:

a) Vũ khí thô sơ khi mang theo người phải ghi trong giấy công tác; việc sử dụng công cụ hỗ trợ phải có giấy phép của cơ quan chức năng Công an cấp tỉnh.

b) Chỉ được sử dụng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ trong khi làm nhiệm vụ trong các trường hợp: Tấn công vô hiệu hoá hoặc khống chế, bắt người phạm tội; ngăn chặn hành vi phạm pháp gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội và trong các trường hợp phòng vệ chính đáng.

c) Vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ phải được quản lý chặt chẽ, tập trung tại cơ quan; chỉ giao cho cá nhân sử dụng khi thi hành công vụ. Hàng tuần phải bảo dưỡng, kiểm tra chất lượng. Nơi cất giữ vũ khí thô sơ, công cụ phương tiện phải có các phương tiện chuyên dùng bảo quản chắc chắn, đảm bảo an toàn, chất lượng đúng yêu cầu kỹ thuật.

d) Khi bị mất, hỏng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ phải báo ngay cho cơ quan Công an cấp phép biết.

### **Chương IV**

#### **KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO VỆ DÂN PHỐ**

**Điều 9. Nguồn kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Bảo vệ dân phố**

1. Ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đóng góp, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Quản lý, sử dụng kinh phí**

Công tác quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của Bảo vệ dân phố thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành và điểm 3.2, khoản 3, mục VII - Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐT BXH-BTC ngày 01/3/2007 của Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Bộ Tài chính.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11: Trách nhiệm của Công an tỉnh**

Giám đốc Công an tỉnh có trách nhiệm:

1. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy định này; tập hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về tình hình, kết quả và những khó khăn vướng mắc, kiến nghị, đề xuất trong quá trình triển khai thực hiện quy định.

2. Giúp UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng lực lượng, tổ chức và hoạt động của Bảo vệ dân phố.

3. Quy định chương trình, nội dung và tổ chức hướng dẫn, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về công tác bảo vệ an ninh, trật tự, pháp luật đối với Bảo vệ dân phố.

4. Tổ chức in, cấp Giấy chứng nhận, Biển hiệu, Băng chức danh; may đo, cấp phát trang phục đối với Bảo vệ dân phố theo quy định.

5. Hàng năm, lập kế hoạch, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kinh phí, hướng dẫn, trang bị và quản lý vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ, trang phục Bảo vệ dân phố theo quy định; tham mưu mở hội nghị sơ kết, tổng kết thi đua về công tác Bảo vệ dân phố để rút kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tiên tiến nhằm động viên, khen thưởng những cá nhân, tập thể Bảo vệ dân phố làm tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

#### **Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ngành**

1. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan có liên quan để tổ chức hướng dẫn việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với Bảo vệ dân phố theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn, thực hiện các quy định về kinh phí hoạt động của Bảo vệ dân phố.

Khi có quy định mới của Trung ương về thay đổi mức lương tối thiểu chung, phụ cấp hoặc giá cả thực tế tăng cao, Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh phụ cấp hàng tháng, phụ cấp đi lại, ăn ở trong thời gian bồi dưỡng, tập huấn và mức tiền bồi dưỡng tuần tra đêm cho phù hợp.

3. Sở Nội vụ phối hợp với Công an tỉnh hướng dẫn, theo dõi thực hiện quy định của pháp luật về đào tạo, quản lý đối với lực lượng Bảo vệ dân phố.

**Điều 13. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; UBND phường, thị trấn**

Chỉ đạo, quản lý tổ chức và hoạt động của Bảo vệ dân phố theo thẩm quyền và sự hướng dẫn, kiểm tra của Công an cấp trên; bố trí địa điểm làm việc; đảm bảo kinh phí hoạt động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với Bảo vệ dân phố theo quy định pháp luật.

**Điều 14. Trách nhiệm các cơ quan, tổ chức, đoàn thể và công dân**

Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc các cấp của tỉnh và các đoàn thể; các đơn vị, tổ chức và mọi công dân có trách nhiệm giám sát, giúp đỡ và tạo điều kiện để lực lượng Bảo vệ dân phố hoàn thành tốt nhiệm vụ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Một**